

Bản án số: 02/2018/HSST

Ngày: 16/01/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Thanh

*Các hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Hà Văn Trường

2- Ông Nguyễn Ngọc Tính

**- Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Thị Dung- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên toà:** bà **Cao Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2017/HSST, ngày 20/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST- HS ngày 02/01/2018 đối với các bị cáo:

**1. Trần Ngọc B**, Sinh ngày 31/12/1969. Tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Tổ 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông: Trần T Sửu (Đã mất) và bà: Lê Thị Ng - Sinh năm: 1944. có vợ: Lê Thị L - Sinh năm 1969 và 02 con; con lớn nhất - Sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2003. Hiện đều trú tại tổ 7 thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ từ ngày 13/7/2017 đến ngày 19/7/2017 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

**2. Trương Thị T**, sinh ngày 28/8/1957. Tại xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Tổ 7, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: Lớp 7/10; Con ông: Trương Trọng Đ- Sinh năm 1929 và bà : Đinh Thị T - Sinh năm: 1933. Hiện đều trú tại xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; có chồng Nguyễn Ngọc L - Sinh năm 1954 và 03 con lớn nhất - Sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1986; Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ từ ngày 13/7/2017 đến ngày 19/7/2017 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

**3. Hoàng Thanh L**, Sinh ngày 15/10/1966. Tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm ruộng ; Văn hóa: Lớp 12/12, con ông: Hoàng Văn C và bà Lê Thị S (Đều đã mất). Có vợ: Phạm Thị A - Sinh năm 1971 và 02 con lớn nhất - Sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1999. Hiện đang trú tại thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ từ ngày 13/7/2017 đến ngày 19/7/2017 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

**4. Trịnh Thị N**, sinh ngày 19/5/1975. Tại xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Văn hóa: Lớp 5/12; con ông: Trịnh Đức Th (Đã mất) con bà Nguyễn Thị Ch- Sinh năm: 1993; có chồng: Nguyễn Đức T - Sinh năm 1972. và có 02 con; Con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2001.

Bị tạm giữ từ ngày 14/7/2017 đến ngày 17/7/2017 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

Người làm chứng:

1. Cao Thị Nh. Trú tại : Tổ 8 thị trấn C, huyện C. Có mặt
2. Trương Thị Q, trú tại : Tổ 9 thị trấn C, huyện C, Có mặt
3. Nguyễn Thế H, trú tại: Tổ 8 thị trấn C, huyện C. Có mặt
4. Nguyễn Thị T, trú tại : Tổ 7 thị trấn C, huyện C. Có mặt
5. Lý Thanh H. Trú tại : Tổ 8 thị trấn C, huyện C. Vắng mặt
6. Nguyễn Xuân Bình. Trú tại: Tổ 6 thị trấn C, huyện C. Vắng mặt
7. Vũ Văn X. Trú tại : Tổ 8 thị trấn C, huyện C. Vắng mặt
8. anh Đào Ngọc Quang. Trú tại : Thôn C, xã C, huyện C. Vắng mặt
9. Ông Nguyễn Ngọc L. Trú tại tổ 7 thị trấn C, huyện C. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13/7/2017 Trần Ngọc B nhận ghi số đề qua điện thoại của nhiều người gồm: Nguyễn Thế H với số tiền là 280.000đ, chị Nguyễn Thị T số tiền là 690.000đ, Hoàng Thanh L số tiền là 6.240.000đ, Nguyễn Xuân B số tiền 4.185.000đ, Trương Thị Q số tiền là 2.640.000đ và nhận bằng ghi lô, đề của một số người không biết tên với số tiền 8.859.000đ, đến 18h5 phút khi đang nhận

bảng ghi lô, đề của Trương Thị T có số tiền là 3.454.000đ thì bị Công an huyện C bắt quả tang. Tang vật thu giữ gồm có:

- 09 (Chín) bảng ghi, tổng hợp số lô, đề
- Thu của Trần Ngọc B số tiền 5.800.000đ, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu LENOVO màu đen và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA - X1 màu đỏ đen.
- Thu của Trương Thị T 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen đã cũ và số tiền 1.170.000đ

Tại cơ quan điều tra Trương Thị T khai nhận: Ngày 13/7/2017 Trương Thị T ghi số lô, đề cho Trịnh Thị N với số tiền 16.650.000đ (mười sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); Lý Thanh H với số tiền là: 30.000 (ba mươi nghìn đồng); Cao Thị Nh với số tiền là: 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng); Vũ Văn X số tiền là: 180.000 (một trăm tám mươi nghìn đồng) và nhiều người không rõ tên, địa chỉ là 6.534.000đ (Sáu triệu năm trăm ba tư nghìn). T tổng hợp chuyển bảng cho B với số tiền 3.454.000đ (Ba triệu bốn trăm năm tư nghìn đồng). Số tiền còn lại 21.440.000đ T khai tổng hợp để chuyển cho Phạm Văn M- Sinh năm 1963-ở thôn Đ, huyện C (M khai không liên quan đến hành vi phạm tội của T) nhưng chưa kịp chuyển thì bị bắt quả tang.

Đối với Nguyễn Xuân B, Trương Thị Q, Nguyễn Thê H, Nguyễn Thị T, Lý Thanh H, Cao Thị Nh, Vũ Văn X có hành vi đánh bạc dưới hình thức số lô, số đề. Cơ quan điều tra xác định số tiền đánh bạc đều dưới 5.000.000đ (Năm triệu đồng), chưa có tiền án, tiền sự, nên đã ra quyết định xử phạt hành chính.

Trong quá trình điều tra Trần Ngọc B, Trương Thị T khai nhận việc ghi số đề từ đầu năm 2017 nhưng cơ quan điều tra không thu giữ được các tài liệu để chứng minh, nên không có cơ sở để xử lý.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã thu giữ của Trương Thị T 01 điện thoại di động, Trần Ngọc B 02 điện thoại di động và 01 máy Fax, Trịnh Thị N 01 điện thoại, Hoàng Thanh L 01 điện thoại. Các vật chứng trên hiện đã chuyển sang Thi hành án dân sự huyện C chờ xử lý.

Trong quá trình khám xét tại nhà ở của Trần Ngọc B ngày 13/7/2017 đã thu một máy Fax

Trong quá trình điều tra ngày 16/10/2017 Trần Ngọc B tự nguyện nộp số tiền 4.149.000đ, Hoàng Thanh L giao nộp số tiền 6.240.000đ, Trịnh Thị N giao nộp số tiền 16.650.000đ, Trương Thị T giao nộp số tiền 7.074.000đ, Trương Thị Q số tiền 2.460.000đ, Nguyễn Xuân M số tiền 4.185.000đ, Nguyễn Xuân B số tiền 4.185.000đ. Toàn bộ số tiền hiện đang nhập kho lưu ký tại kho bạc huyện C.

Tại bản cáo trạng số 34a ngày 27/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã quyết định truy tố Trần Ngọc B, Trương Thị T về tội Tổ chức đánh bạc theo khoản 1 Điều 249 – BLHS năm 1999, Hoàng Thanh L, Trịnh Thị N về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1, Điều 248 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố Trần Ngọc B, Trương Thị T phạm tội Tổ chức đánh bạc, Hoàng Thanh L, Trịnh Thị N phạm tội Đánh bạc, đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 249, Điều 30, điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS năm 1999 ( đối với bị cáo B, bị cáo T ), áp dụng khoản 1 Điều 248, Điều 30, điểm h, điểm p khoản 1, Điều 46 BLHS năm 1999 ( đối với bị cáo L và bị cáo N) đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc B từ 30-36 tháng tù cho hưởng án treo. Phạt bổ sung từ 20 triệu - 25 triệu đồng, Trương Thị T từ 24- 30 tháng tù cho hưởng án treo, phạt bổ sung từ 15 triệu-20 triệu đồng, xử phạt hình phạt chính là phạt tiền đối với Trịnh Thị N từ 15 triệu đồng -20 triệu đồng, hình phạt chính là hình phạt tiền đối với Hoàng Thanh L từ 10 triệu đồng - 15 triệu đồng

Về vật chứng: Đề nghị Tịch thu sung công 05 điện thoại di động, tịch thu sung công toàn bộ số tiền 47.728.000đ, trả lại một máy Fax cho Trần Ngọc B

Tại phiên tòa Trần Ngọc B khai nhận: Trước đây bị cáo làm đại lý lô, tô cho Công ty xổ số Thanh Hóa nên mua máy Fax để chuyển số cho công ty, do số người mua lô tô không thường xuyên, nên bị cáo nghỉ và chuyển sang sửa xe máy, nhưng hàng ngày vẫn có người đến hỏi mua lô, đề, do việc sửa xe không có khách, vì hám lời nên bị cáo bắt đầu ghi số lô, số đề vào khoảng thời gian từ tháng 01/2017. Hàng ngày B ghi bán số lô, số đề tại nhà ở của mình và nhận bảng ghi số lô, số đề của người khác chuyển lại. Các hình thức ghi số lô, số đề gồm: đề 02 số, đề 03 số (ba càng), lô điểm và lô xiên (xiên 2, xiên 3, xiên 4) là các số tự nhiên bất kỳ do người chơi (mua) lựa chọn; giá bán (ghi) là: Đề 02 số; 03 số do người chơi quyết định; lô điểm, lô xiên giá ghi bán là 23.000đ/01 điểm. trừ tiền phần trăm (%) hoa hồng cho những người chuyển bảng là 25% đối với số đề và trừ 01 điểm lại đối với lô điểm, lô xiên. Tỷ lệ cá cược được quy ước như sau: Nếu người mua số đề hai số mà trùng với hai số cuối của giải đặc biệt kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng vào hồi 18 giờ 15 phút cùng ngày thì được trả thưởng bằng 70 (Bảy mươi) lần số tiền mà người chơi đã bỏ ra mua, nếu là đề 03 số (Ba càng) trùng với 3 số cuối của giải đặc biệt thì người chơi sẽ được B trả thưởng gấp 400 (Bốn trăm) lần số tiền người chơi mua số. Đối với số lô điểm: người chơi mua hai số tự nhiên bất kỳ giá 23.000đ/01 điểm lô được so tất cả các giải của kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc, nếu trúng sẽ được trả 80.000đ/01 điểm lô. Các số lô, số đề B ghi và các bảng lô đề do người khác chuyển đến được B tổng hợp lại thành bảng, đến 18h10 phút có người đến nhận bảng, nếu trúng thì đến ngày hôm sau sẽ trả tiền và tiền hoa hồng cho bị cáo ( người nhận bảng lô, đề bị cáo không biết tên, địa chỉ cụ thể và cũng không có số điện thoại ). Nay bị cáo đã nhận thấy hành vi của bản thân là sai, đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Bị cáo Hoàng Thanh L trình bày: Bị cáo là đại lý lô tô cấp 2 cho anh Q, ngày 13/7/2017 gia đình anh Q có bố bị mất, nên bị cáo không nộp bằng được, sợ có người trúng lô tô sẽ không có tiền trả, nên bị cáo mới điện thoại chuyển

bảng cho B, còn tiền thì chưa chuyển. Nay bị cáo đã nhận thấy hành vi của bản thân là sai nên đã nộp tại cơ quan điều tra số tiền đánh bạc là 6.240.000đ

Bị cáo Trương Thị T, Trịnh Thị N đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người làm chứng cũng khai nhận phù hợp với các tình tiết nêu trong bản cáo trạng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 13/7/2017 Trần Ngọc B đã có hành vi ghi, thu gom nhiều bảng ghi lô, đề của nhiều người với tổng số tiền là 26.088.000đ, Trương Thị T đã ghi bán, lô đề cho nhiều người sau đó tập hợp thành nhiều bảng để chuyển cho Trần Ngọc B và những người khác với số tiền là 24.894.000đ, Hoàng Thanh L đã có hành vi chuyển lô, đề cho Trần Ngọc B bằng hình thức gửi tin nhắn qua điện thoại với số tiền là 6.240.000đ. Trịnh Thị N đã có hành vi mua số lô, đề với Trương Thị T bằng hình thức gửi tin nhắn qua điện thoại với số tiền là 16.650.000đ. Do hành vi của các bị cáo bị phát hiện trước khi có kết quả xổ số, chưa tính thắng thua, nên các bị cáo chưa thu lợi bất chính từ việc đánh bạc, hành vi của các bị cáo được thực hiện trước ngày 01/01/2018 nên căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 về việc thi hành BLHS năm 2015 thì hành vi của Trần Ngọc B, Trương Thị T đã phạm vào tội Tổ chức đánh bạc quy định tại khoản 1, Điều 249 BLHS năm 1999. Hành vi của Trịnh Thị N và Hoàng Thanh L đã phạm vào tội Đánh bạc được quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS năm 1999.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng với mục đích thu lợi bất chính, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, các bị cáo biết quy định của pháp luật nghiêm cấm hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc dưới mọi hình thức, nhưng chỉ vì mục đích háms lợi các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành

vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa tại địa phương và là nguyên nhân phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác nên cần có hình phạt phù hợp với hành vi của các bị cáo.

Xác định vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo đều tự nguyện tổ chức đánh bạc và đánh bạc, bị cáo T ghi lô, đề sau đó chuyển bảng ghi lô, đề cho B, bị cáo B nhận bảng lô, đề và ghi lô, đề và là người trả thưởng. Vì vậy xác định vai trò cáo B cao hơn bị cáo T

Bị cáo Hoàng Thanh L,Trịnh Thị N đều là người đánh bạc, nhưng số tiền bị cáo N nhiều hơn bị cáo L, nên phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo L.

Xét các bị cáo Trần Ngọc B, Trương Thị T, Trịnh Thị N, Hoàng Thanh L trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự nên khi lượng hình Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “ *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* “ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền dùng vào việc đánh bạc, bị cáo Trần Ngọc B là con của người có công với cách mạng có bố, mẹ đều được tặng thưởng huân chương kháng chiến, con bị tâm thần có xác nhận bệnh viện tâm thần Thanh Hóa, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999, bị cáo Hoàng Thanh L, Trịnh Thị N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo được quy định tại điểm p, khoản h, Điều 46 BLHS năm 1999. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên chấp nhận đề nghị của VKSND huyện C không cần cách ly bị cáo Trần Ngọc B và Trương Thị T ra khỏi xã hội mà cho hưởng án treo là phù hợp, đối với bị cáo Hoàng Thanh L và Trịnh Thị N áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục. Bị cáo B và bị cáo T cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền

[4]. Về vật chứng và xử lý vật chứng : Đối với 05 chiếc điện thoại của các bị cáo dùng làm phương tiện để liên lạc đánh lô, đề nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 47.728.000đ của các đối tượng tham gia đánh bạc nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Chiếc máy Fax trong quá trình điều tra xác định trước đây Trần Ngọc B chuyển lô tô cho công ty xổ số Thanh Hóa, trong quá trình điều tra đã xác minh tại trung tâm viễn thông thì thời gian từ năm 2017 không sử dụng vào việc chuyển số lô, đề và các cuộc gọi đi và đến không liên quan đến hành vi đánh bạc, nên trả lại cho Trần Ngọc B.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc B, Trương Thị T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”

Các bị cáo Hoàng Thanh L, Trịnh Thị N phạm tội “Đánh bạc”

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 249 BLHS năm 1999, Điểm c, khoản 1, khoản 3, Điều 322 BLHS năm 2015, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, khoản 1, khoản 2, Điều 60 BLHS năm 1999 (đối với bị cáo B, bị cáo T), khoản 1, Điều 248, Điều 30, Điều 20, Điều 53 BLHS năm 1999, khoản 1, Điều 321 BLHS năm 2015, điểm p, điểm h, khoản 1, Điều 46 BLHS năm 1999 (đối với bị cáo L và bị cáo N) Điều 41 BLHS năm 1999, Điều 106, Điều 147 BLTTHS năm 2015, điều 23 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử phạt:

Bị cáo Trần Ngọc B 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 ( Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Trương Thị T 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 ( Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Ngọc B, Trương Thị T cho UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Phạt tiền bị cáo Trịnh Thị N 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước

Phạt tiền bị cáo Hoàng Thanh L 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Trần Ngọc B 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

Phạt tiền Trương Thị T 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước

*Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 7,9 Luật thi hành án dân sự . Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự .*

Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 47.728.000đ (Bốn mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng) theo hai phiếu nhập kho có ký hiệu T14 ngày 26/7/2017 và T16 ngày 18/10/2017 tại Kho bạc nhà nước huyện C.

Tịch thu sung công 5 điện thoại di động; Trả lại 01 máy Fax cho Trần Ngọc B (theo biên bản giao nhận tang vật ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C )

3. Về án phí: Các bị cáo Trần Ngọc B, Trương Thị T, Hoàng Thanh L, Trịnh Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST

Án xử công khai. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Công an huyện C;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS huyện C
- Các Cơ quan hữu quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký )**

**Lê Thị Thanh**